

Số: 19/2011/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thí điểm thực hiện tiếp nhận bản khai hàng hóa,
các chứng từ có liên quan và thông quan điện tử
đối với tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Hải quan ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hải quan ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thí điểm thực hiện tiếp nhận bản khai hàng hóa, các chứng từ có liên quan và thông quan điện tử đối với tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh

1. Phạm vi thí điểm áp dụng đối với việc tiếp nhận bản khai hàng hóa, các thông tin khác có liên quan dưới dạng dữ liệu điện tử và thông quan điện tử đối với tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh (gọi chung là thủ tục hải quan điện tử đối với tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh).

2. Đối tượng thí điểm gồm:

- a) Tàu biển Việt Nam, tàu biển nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh;
- b) Các hãng tàu, đại lý hãng tàu và các công ty giao nhận;
- c) Các Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng biển;
- d) Cảng vụ Hàng hải.

Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định việc lựa chọn các đối tượng cụ thể tham gia thực hiện thí điểm.

3. Thời gian, địa bàn thực hiện thí điểm:

- a) Thời gian thực hiện thí điểm từ năm 2011 đến hết năm 2012.

b) Địa bàn thực hiện thí điểm:

- Giai đoạn 2011 - 2012: thực hiện tại các cảng biển thành phố Hải Phòng, thành phố Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

- Giai đoạn năm 2012: mở rộng thực hiện tại các cảng biển thuộc các tỉnh: Quảng Ninh, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hoà và thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Hồ sơ hải quan điện tử đối với tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh

1. Đối với tàu biển nhập cảnh:

- a) Bản khai hàng hóa nhập khẩu bằng đường biển;
- b) Thông tin về vận đơn gom hàng (House bill of lading);
- c) Bản khai chung;
- d) Danh sách thuyền viên;
- đ) Bản khai hành lý thuyền viên;
- e) Bản khai dự trữ của tàu;
- g) Danh sách hành khách (nếu có);
- h) Bản khai hàng hóa nguy hiểm (nếu có).

2. Đối với tàu biển xuất cảnh:

- a) Bản khai hàng hóa xuất khẩu;
- b) Bản khai chung;
- c) Danh sách thuyền viên;
- d) Bản khai hành lý thuyền viên;
- đ) Bản khai dự trữ của tàu;
- e) Danh sách hành khách (nếu có).

3. Bộ Tài chính quy định cụ thể nội dung các hồ sơ hải quan điện tử nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 3. Thời hạn cung cấp thông tin hồ sơ hải quan điện tử

1. Đối với tàu biển nhập cảnh:

a) Thời hạn cung cấp thông tin về bản khai hàng hóa nhập khẩu, vận đơn gom hàng (house bill of lading): đối với các chuyến tàu có hành trình dưới 05 ngày, chậm nhất là 12 giờ; đối với các chuyến tàu có hành trình khác, chậm nhất là 24 giờ trước khi tàu dự kiến cập cảng.

b) Thời hạn cung cấp thông tin về các chứng từ nêu tại các điểm c, d, đ, e, g, h khoản 1 Điều 2 Quyết định này chậm nhất là 08 giờ trước khi tàu dự kiến cập cảng.

2. Đối với tàu biển xuất cảnh: thời hạn cung cấp các thông tin quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này chậm nhất là 01 giờ trước khi tàu xuất cảnh.

3. Giá trị pháp lý của hồ sơ hải quan điện tử đối với tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Điều 4. Địa điểm tiếp nhận, xử lý thông tin hồ sơ hải quan điện tử đối với tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh

1. Địa điểm tiếp nhận, xử lý thông tin hồ sơ hải quan điện tử đối với tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh là Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan. Người khai hải quan có trách nhiệm gửi dữ liệu điện tử đến Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan theo quy định tại Quyết định này để cơ quan Hải quan làm thủ tục hải quan và thông quan điện tử đối với tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh.

2. Cục Hải quan tỉnh, thành phố, các Chi cục Hải quan và đơn vị liên quan khai thác dữ liệu tại Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan để phục vụ quá trình làm thủ tục hải quan và thông quan điện tử đối với tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh thuộc phạm vi địa bàn mình quản lý theo quy định tại Quyết định này.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan

1. Quyền và nghĩa vụ của người khai hải quan tham gia thí điểm thực hiện Quyết định này thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Hải quan, Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong lĩnh vực tài chính.

2. Khi thực hiện thủ tục hải quan điện tử đối với tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh, người khai hải quan có trách nhiệm:

a) Thông báo bằng phương thức điện tử gửi đến Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan về việc thực hiện thủ tục hải quan điện tử đối với tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh;

b) Sử dụng chữ ký số. Trường hợp cơ quan hải quan chưa áp dụng chữ ký số, người khai hải quan sử dụng tài khoản truy nhập điện tử theo quy định của Bộ Tài chính;

c) Gửi dữ liệu điện tử đến Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan và được nhận kết quả giải quyết từ Cổng Thông tin điện tử này;

d) Cung cấp thông tin có liên quan phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra.

Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan hải quan, công chức hải quan

1. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan hải quan, công chức hải quan tham gia thí điểm thực hiện Quyết định này thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Hải quan, Nghị định số 27/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong lĩnh vực tài chính.

2. Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo về việc thực hiện thủ tục hải quan điện tử của người khai hải quan, cơ quan hải quan phải trả lời chấp nhận hoặc từ chối (có nêu rõ lý do) bằng phương thức điện tử cho người khai hải quan biết.

3. Xây dựng và công bố chuẩn dữ liệu trao đổi thông tin điện tử để người khai hải quan thực hiện.

4. Xây dựng chức năng tiếp nhận dữ liệu theo chuẩn đã công bố và tiếp nhận dữ liệu nhập trực tiếp từ người khai Hải quan qua môi trường Internet hoặc thông qua các tổ chức cung cấp dịch vụ truyền nhận dữ liệu điện tử hải quan.

5. Chia sẻ thông tin bản khai hàng hoá, các thông tin khác có liên quan và kết quả thông quan tàu cho các cơ quan chức năng tại cảng để cùng phối hợp quản lý; bảo mật các thông tin mà người khai hải quan đã cung cấp.

Điều 7. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

2. Chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải và các Bộ, ngành liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

3. Chỉ đạo ngành hải quan:

a) Lựa chọn đối tượng tham gia thí điểm;

b) Đề xuất việc đầu tư, mua sắm phần mềm, trang thiết bị, hạ tầng mạng và các điều kiện hạ tầng công nghệ thông tin cần thiết khác để đảm bảo triển khai thực hiện thí điểm theo tiến độ đề ra;

c) Hỗ trợ kỹ thuật và nghiệp vụ hải quan cho các đối tượng tham gia thí điểm.

4. Sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện thí điểm; đề xuất việc thực hiện thủ tục hải quan điện tử đối với tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh sau khi kết thúc giai đoạn thí điểm.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2011.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (5b).HL 290

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng